

Số: 1858 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ
Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND Thành phố quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép thành lập Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội tại Văn bản số 01-CV/HTT-ĐHTT ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 677/TTr-SNV ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội, đã được Đại hội Khóa I, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội thông qua ngày 15 tháng 01 năm 2021 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở: Nội vụ, Văn hóa và Thể thao; các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP;
- PCT TT UBND TP: Lê Hồng Sơn;
- Công an Thành phố;
- VP UBND TP: PCVP Võ Tuấn Anh, NC, TH;
- Lưu: VT.

6869 - 9

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

ĐIỀU LỆ

Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội

*(Phê duyệt theo quyết định số 1858 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội.
- Tên tiếng Anh: Hanoi Sports entertainment Association.
- Tên viết tắt: HAS.
- Biểu tượng (logo): Hội có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội tự nguyện, tập hợp các công dân, tổ chức Việt Nam hiện đang sinh sống và hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, tham gia luyện tập, thi đấu các môn thể thao giải trí, bao gồm: Khiêu vũ thể thao, Thể dục thẩm mỹ - aerobic, Vũ đạo giải trí nhảy múa vận động kết hợp với âm nhạc, Múa bụng, Múa cột, Leo núi trong nhà, Trượt patin, Lướt ván đường phố, Vượt nhảy chướng ngại vật, Bóng đá nghệ thuật; tuân thủ Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập là hội viên của Hội.

Hội hoạt động nhằm mục đích rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể lực cho quần chúng nhân dân; góp phần phát triển các môn thể thao giải trí theo hướng lành mạnh; nâng cao thành tích thi đấu của các môn thể thao ở trong nước, khu vực và quốc tế; đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng (đồng Việt Nam và ngoại tệ) tại Ngân hàng.
- Trụ sở: Hội có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trong phạm vi thành phố Hà Nội.
- Hội hoạt động trong lĩnh vực thể thao giải trí; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt, chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao và các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích, Điều lệ của Hội theo quy định của pháp luật.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc Hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì Hội quyết định thành lập pháp nhân và có hồ sơ báo cáo theo quy định với Sở Nội vụ, Sở Văn hóa và Thể thao. Hội thành lập pháp nhân thuộc Hội không đúng quy định của pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. UBND Thành phố có quyền yêu cầu Hội ra quyết định giải thể pháp nhân và đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi con dấu.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Khen thưởng các tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên, những người làm việc tại Hội có thành tích xuất sắc trong công tác, có đóng góp xây dựng Hội hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật. Báo cáo với UBND Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan có liên quan.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm: Hội viên chính thức và hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam hiện đang sinh sống, hoạt động hợp pháp tại thành phố Hà Nội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập, mong muốn được tham gia tập luyện, thi đấu các môn thể thao tại các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, nhằm mục đích rèn luyện sức khỏe, thể lực, nâng cao trí tuệ, nâng cao thành tích các môn thể dục, thể thao;

b) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam là những người có uy tín trong lĩnh vực hoạt động của Hội, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Hội, được Hội mời, suy tôn làm hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ hội viên.
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên tổ chức hoạt động theo kế hoạch của tổ chức phù hợp với Điều lệ Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.
10. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục gia nhập Hội, thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục gia nhập Hội

Công dân, tổ chức Việt Nam muốn gia nhập Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Thủ tục ra khỏi Hội

a) Khi hội viên có nguyện vọng xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành nêu rõ lý do, Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày.

b) Hội viên hoạt động trái với pháp luật Việt Nam, trái với Điều lệ Hội, không chấp hành Nghị quyết, vi phạm các quy định của Hội thì Ban Chấp hành xem xét thi hành kỷ luật khai trừ hội viên ra khỏi Hội.

c) Việc hội viên xin ra Hội, khai trừ khỏi Hội sẽ được thông báo cho toàn thể hội viên biết.

3. Tư cách hội viên bị chấm dứt trong các trường hợp sau

- a) Cá nhân bị mất quyền công dân;
- b) Cá nhân không còn mang quốc tịch Việt Nam;
- c) Cá nhân chết hoặc mất tích (theo xác định của cơ quan có thẩm quyền);
- d) Hội viên tổ chức vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ Hội; hoạt động không đúng với tôn chỉ, mục đích của tổ chức đã được Ban Chấp hành phê duyệt.

4. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự kết nạp hội viên, xóa tên hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

5. Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm quản lý hội viên, báo cáo số lượng hội viên gia nhập Hội, ra khỏi Hội hàng năm với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn và các tổ chức cơ sở thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Đại hội có nhiệm vụ

a) Thảo luận, thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng, nhiệm vụ của Hội nhiệm kỳ mới; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm tra, Báo cáo tài chính nhiệm kỳ;

b) Thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung, nếu có);

c) Thông qua việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên và giải thể Hội (nếu có);

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Quyết định mức thu hội phí;

- e) Thảo luận và quyết định các vấn đề cần thiết khác;
- f) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết, Quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

- a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;
- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

- a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;
- b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 04 (bốn) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành;
- c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có từ 2/3 (hai phần ba) Ủy viên Ban Chấp hành trở lên tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;
- d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

c) Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Phó Chủ tịch

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổng Thư ký

Tổng Thư ký chịu sự chỉ đạo và phân công của Chủ tịch Hội. Tổng Thư ký là người giúp việc cho Chủ tịch và trực tiếp điều hành hoạt động của Văn phòng Hội, các cơ quan chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Hội và được Chủ tịch phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác cụ thể.

Điều 20. Văn phòng, các ban chuyên môn, các tổ chức cơ sở thuộc Hội

1. Văn phòng, các ban chuyên môn là bộ phận giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ. Chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành.

2. Hội được thành lập các chi hội, phân hội, tổ hội (gọi chung là tổ chức cơ sở thuộc Hội), hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế làm việc của các tổ chức cơ sở thuộc Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Các tổ chức cơ sở do Hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý tài chính, sử dụng tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế về công tác khen thưởng phù hợp với Điều lệ Hội và pháp luật hiện hành.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội

1. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật trong nội bộ hội do Hội quyết định theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật. Ban Lãnh đạo hội có trách nhiệm quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội phù hợp điều lệ hội, quy định của pháp luật.

2. Ban Kiểm tra thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết; báo cáo kết quả với Ban Chấp hành.

3. Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 08 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội thông qua ngày 15 tháng 01 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Thể thao giải trí thành phố Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /

